

XÂY DỰNG BỘ CÔNG CỤ LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN PHỤC VỤ CÔNG TÁC RÀ SOÁT VÀ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

Nguyễn Thị Thanh Vân⁺,
Nguyễn Văn Nghĩa,
Trần Trung Dũng,
Nguyễn Thị Thu Hương,
Nguyễn Đức Lợi

Trường Đại học Hùng Vương
+ Tác giả liên hệ • Email: nguyenthanhvan@hvu.edu.vn

Article history

Received: 18/11/2022

Accepted: 26/12/2022

Published: 20/01/2023

Keywords

feedback tools, stakeholders, training program, training program development

ABSTRACT

Nowadays, the accreditation of educational institutions as well as the quality of training programs are urgent factors to affirm the university's brand and reputation to stakeholders such as employers, learners, and society in general. Based on theoretical and practical research methods, the research team has developed the feedback tools to collect stakeholders' opinions for the review and development of training programs at Hung Vuong university, including: Survey questionnaires for employers and alumni. The pedagogical experiment was analyzed based on the survey results with 1106 alumni and 185 employers in 5 different majors. The experimental results provide useful insights from employers and alumni for the review of training programs, ensuring that the quality of Hung Vuong university graduates better fulfill the requirements of the labor market.

1. Mở đầu

Hiện nay, việc đánh giá chất lượng của các cơ sở giáo dục (CSGD) thực hiện theo Thông tư số 17/TT/BGDĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng CSGD đại học ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT với chu kỳ 5 năm một lần (Bộ GD-ĐT, 2017). Đối với công tác đánh giá chương trình đào tạo (CTĐT) ở các CSGD thực hiện theo Thông tư số 38/TT/BGDĐT ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng CTĐT của các trường đại học cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT cũng với chu kỳ 5 năm một lần. Bộ tiêu chuẩn đánh giá CTĐT chủ yếu sử dụng theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT (Bộ GD-ĐT, 2013) và bộ tiêu chuẩn AUN-QA.

Trong 2 công tác kiểm định này, việc lấy ý kiến của các bên liên quan về các hoạt động của CSGD, về CTĐT có ý nghĩa rất quan trọng. Ở đây, các bên liên quan đến CSGD bao gồm người học, giảng viên (GV), nhân viên, đội ngũ lãnh đạo và quản lý, nhà sử dụng lao động, các đối tác, gia đình người học, nhà đầu tư, cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, tổ chức, cá nhân khác có liên quan (Bộ GD-ĐT, 2017). Việc lấy ý kiến này được thực hiện tương đối đa dạng dưới các hình thức khảo sát trực tiếp, khảo sát trực tuyến, tổ chức hội thảo,... thông qua các công cụ khảo sát như phiếu hỏi/bảng hỏi hoặc phỏng vấn trực tiếp. Mục đích của việc lấy ý kiến phản hồi (YKPH) nhằm: Thực hiện Quy chế dân chủ, công bằng, công khai và minh bạch trong trường; Nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học trong trường; Nâng cao mức độ hài lòng của các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường; nâng cao tinh thần và ý thức trách nhiệm của cán bộ, viên chức trong công việc, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao; Đáp ứng yêu cầu kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ GD-ĐT; Ngăn chặn tiêu cực trong các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường (Trường Đại học Hùng Vương, 2021);

Từ thực tiễn kiểm định CSGD và kiểm định các CTĐT tại Trường Đại học Hùng Vương, bài báo đề xuất một số công cụ lấy YKPH của các bên liên quan phục vụ cho việc rà soát và phát triển CTĐT.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Nội dung, ý nghĩa của việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chương trình đào tạo

CTĐT của một ngành học ở một trình độ cụ thể bao gồm: mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp; nội dung, phương pháp và hoạt động đào tạo; điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động học thuật của đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai đào tạo ngành học đó (Bộ GD-ĐT, 2016). Nội dung lấy ý kiến của các bên liên quan để phát triển CTĐT thường tập trung

vào các vấn đề: Chuẩn đầu ra của CTĐT; nội dung và cấu trúc của CTĐT; hoạt động giảng dạy của GV; hoạt động hỗ trợ người học, hoạt động hỗ trợ cán bộ và viên chức; về cơ sở vật chất; về chất lượng đào tạo khóa học; về việc làm của sinh viên (SV) sau khi tốt nghiệp; công tác kết nối và phục vụ cộng đồng. Hầu hết các CSGD đã ban hành những quy định về công tác lấy YKPH của các bên liên quan về hoạt động của trường mình. Các quy định này đã làm rõ đối tượng lấy ý kiến, nội dung lấy ý kiến, thời điểm lấy ý kiến, số lượng,...

Trong quá trình xây dựng, rà soát CTĐT ý kiến của các bên liên quan có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thiết kế CTĐT làm cho CTĐT sát với những quy định của theo Khung trình độ Quốc gia, chuẩn nghề nghiệp quy định cho ngành đào tạo và yêu cầu của thực tiễn công việc, đó cũng là căn cứ để mỗi CSGD đánh giá nhìn nhận lại tính hiệu quả, chất lượng của một CTĐT cũng như nhu cầu của thị trường lao động. Xét dưới góc độ khoa học, các nghiên cứu liên quan đến công tác lấy YKPH mới tập trung nhiều phân tích đánh giá thực trạng về công tác lấy YKPH của người học về hoạt động giảng dạy của GV. Các nghiên cứu đã đạt được một số kết quả như: Đánh giá mối tương quan giữa các nội dung được hỏi, đánh giá hình thức phiếu hỏi, thời gian và quy trình khảo sát, đánh giá động thái của GV sau khi nhận được kết quả,... Đánh giá được ảnh hưởng của việc lấy YKPH từ người học đến hoạt động giảng dạy của GV, trong đó nhấn mạnh tới việc cần cụ thể hơn các nội dung đánh giá về nội dung kiến thức giảng dạy cũng như phương pháp giảng dạy giúp cho GV nhận được nhiều thông tin phản hồi để có cơ sở điều chỉnh các nội dung này tốt nhất trong quá trình dạy học (Trương Văn Thanh, 2015); đề xuất một số nhóm giải pháp lấy YKPH từ SV nhằm đánh giá hoạt động giảng dạy của GV. Trong đó có giải pháp liên quan đến cải tiến phiếu khảo sát và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động khảo sát (Dương Thị Phương Liên, 2017). Phần lớn việc lấy YKPH của người học mới dừng lại ở việc tổng hợp báo cáo số liệu cho Ban Giám hiệu để lãnh đạo nhà trường có cái nhìn bao quát về “Bức tranh tổng thể người dạy”, chưa dùng để xét thi đua khen thưởng cũng như chưa đưa ra những chế tài xử lý đối với những trường hợp nhiều năm liền có chung YKPH về chất lượng giảng dạy còn hạn chế nhất định (Đậu Thế Tụng và cộng sự, 2020).

2.2. Xây dựng công cụ khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan phục vụ công tác rà soát và phát triển chương trình đào tạo tại Trường Đại học Hùng Vương

2.2.1. Phương pháp xây dựng công cụ khảo sát

Chúng tôi sử dụng bảng hỏi - công cụ điều tra phổ biến nhất, được sử dụng để thu thập thông tin từ nhiều người, và bảng hỏi có thể kết hợp với nhiều kỹ thuật khác nhau. Số lượng câu hỏi bao nhiêu phụ thuộc vào nội dung nghiên cứu. Các câu hỏi trong bảng hỏi ở hai dạng là đóng và mở. Trong bảng hỏi, câu hỏi mở tạo cơ hội cho người trả lời tự do diễn giải ý kiến của mình, từ đó giúp thu thập nhiều thông tin hơn; còn với câu hỏi đóng với mẫu sẵn có sẽ giúp đảm bảo thông tin cần cho nghiên cứu thu thập được. Khi thiết lập câu hỏi cần lưu ý những vấn đề sau: luôn sử dụng ngôn ngữ hằng ngày và đơn giản; không dùng những câu hỏi mơ hồ; không đặt câu hỏi có tính dẫn dắt; không đặt những câu hỏi dựa trên giả định (Trung Nguyên, 2008).

Trong bảng hỏi của nghiên cứu này, chúng tôi có sử dụng thang đo thái độ để khảo sát thái độ của các bên liên quan về những vấn đề liên quan phục vụ cho CTĐT. Cụ thể là thang đo xếp loại tổng quát (hay thang đo Likert) với 5 mức độ: Hoàn toàn đồng ý/Rất hài lòng/ Hoàn toàn cần thiết (5 điểm), đồng ý/hài lòng/cần thiết (4 điểm), phân vân/khả hài lòng (3 điểm), không đồng ý/không hài lòng/không cần thiết (2 điểm) và hoàn toàn không đồng ý/hoàn toàn không hài lòng/hoàn toàn không cần thiết (1 điểm).

Cấu trúc bảng hỏi gồm: phần I - Thông tin chung và phần II - Nội dung bảng hỏi. Nội dung của bảng hỏi được thiết kế dựa trên mục đích thu thập thông tin của các đối tượng khảo sát phục vụ cho nghiên cứu. Trong xây dựng bảng hỏi phục vụ cho việc rà soát và phát triển CTĐT, nội dung bảng hỏi được chúng tôi xác định dựa trên mục đích muốn thu thập ý kiến của các bên liên quan về những nội dung trong CTĐT bao gồm: Mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp: nội dung, phương pháp và hoạt động đào tạo; điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, chất lượng đào tạo (Bộ GD-ĐT, 2016). Với nhà sử dụng lao động và các cựu SV, nội dung bảng hỏi sẽ tập trung lấy ý kiến về chuẩn đầu ra của CTĐT, chất lượng đào tạo, mong muốn của nhà sử dụng lao động và cựu SV đối với SV tốt nghiệp Trường Đại học Hùng Vương theo ngành nghề. Từ việc đánh giá mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra, từ mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo sẽ là căn cứ để Trường Đại học Hùng Vương đưa vào các môn học, sử dụng phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp.

2.2.2. Các mẫu phiếu khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chương trình đào tạo

Để thu thập ý kiến của các bên liên quan phục vụ cho việc phát triển CTĐT tại Trường Đại học Hùng Vương, chúng tôi thiết kế các bảng hỏi dành cho 2 đối tượng gồm: Nhà sử dụng lao động, cựu SV. Những nội dung hỏi tương ứng với các đối tượng được hỏi được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Cấu trúc bảng hỏi ứng với các đối tượng nhà sử dụng lao động và cựu SV

Đối tượng	Cấu trúc bảng hỏi			
	Phần I - Thông tin chung	Phần II - Nội dung bảng hỏi		
Nhà sử dụng lao động	Những thông tin chung về cơ quan/doanh nghiệp: tên cơ quan/doanh nghiệp, địa chỉ, điện thoại, email, người đại diện cung cấp thông tin.	Các câu hỏi đánh giá về mức độ hài lòng của cơ quan doanh nghiệp đối với chất lượng SV tốt nghiệp Trường Đại học Hùng Vương đã và đang công tác tại cơ quan/ doanh nghiệp.	Các câu hỏi đánh giá mức độ cần thiết của các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm được tuyên bố trong chuẩn đầu ra của CTĐT.	Các câu hỏi mở về những mong muốn mà cơ quan doanh nghiệp muốn SV tốt nghiệp Trường Đại học Hùng Vương phải có được.
Cựu SV	Những thông tin chung về cựu SV: họ và tên; nơi làm việc; địa chỉ nơi làm việc; chức vụ (nếu có); điện thoại; email liên hệ.	Tự đánh giá mức độ đáp ứng chuyên môn được đào tạo với yêu cầu của công việc hiện tại sau 2-3 năm ra trường.	Mong muốn của cựu SV đối với kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp của SV tốt nghiệp một ngành cụ thể.	Đánh giá của cựu SV về những môn học cần được trang bị cho SV trong quá trình học tập một ngành cụ thể để SV đạt được mong muốn của Quý Cơ quan/ Doanh nghiệp khi được tuyển dụng.

Trong đó:

- Mức độ hài lòng của cơ quan doanh nghiệp đối với chất lượng SV tốt nghiệp Trường Đại học Hùng Vương được đánh giá thông qua các biến quan sát: **HL1**. Năng lực chuyên môn của SV tốt nghiệp; **HL2**. Năng lực ngoại ngữ của SV tốt nghiệp; **HL3**. Năng lực tin học của SV tốt nghiệp; **HL4**. Khả năng làm việc, nghiên cứu, phối hợp trong giải quyết công việc hiệu quả của SV tốt nghiệp; **HL5**. Kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề, tinh thần kỷ luật và cầu thị trong công việc của SV tốt nghiệp.

- Mức độ cần thiết của các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm được tuyên bố trong chuẩn đầu ra của CTĐT được đánh giá thông qua các biến quan sát: **KT**. Nhóm chuẩn đầu ra về kiến thức; **KN**. Nhóm chuẩn đầu ra về kỹ năng; **TN**. Nhóm chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm mà Nhà trường tuyên bố.

- Mức độ đáp ứng công việc của cựu SV sau khi tốt nghiệp từ 2-3 năm, được đánh giá thông qua các biến quan sát: **DU1**. Anh (chị) nhanh chóng bắt nhịp được với công việc; **DU2**. Kiến thức chuyên môn của anh (chị) đáp ứng tốt yêu cầu của công việc; **DU3**. Anh (chị) được đào tạo tương đối đầy đủ về kỹ năng chuyên môn; **DU4**. Anh (chị) được đào tạo tương đối đầy đủ về kỹ năng mềm, kỹ năng bổ trợ.

2.3. Thực nghiệm

Trong bài báo này, chúng tôi phân tích kết quả YKPH của các Nhà sử dụng lao động, các cựu SV phục vụ cho việc rà soát CTĐT. Các mẫu phiếu khảo sát sau khi xây dựng được gửi đến cho các đối tượng liên quan thông qua công cụ Google Forms. Kết quả thu được sẽ được đánh giá thông qua thống kê tỉ lệ phần trăm ý kiến trả lời và điểm trung bình (ĐTB) của các ý kiến trả lời tương ứng với các mức độ đánh giá. Kết quả đánh giá được xác định như sau: Hoàn toàn đồng ý/Rất hài lòng ($4,2 \leq \text{ĐTB} \leq 5$); Đồng ý/hài lòng ($3,4 \leq \text{ĐTB} < 4,2$); Phân vân/khả hài lòng ($2,6 \leq \text{ĐTB} < 3,4$); Không đồng ý/không hài lòng ($1,8 \leq \text{ĐTB} < 2,6$); Hoàn toàn không đồng ý/hoàn toàn không hài lòng ($1 \leq \text{ĐTB} < 1,8$).

Mẫu khảo sát được chọn theo kỹ thuật phi xác suất (chọn mẫu ngẫu nhiên) đảm bảo cho sự thuận tiện trong quá trình khảo sát. Trong đó, đối với nhà sử dụng lao động: các nhà sử dụng lao động được khảo sát là những nhà sử dụng lao động đã và đang sử dụng lao động là các SV tốt nghiệp Trường Đại học Hùng Vương, các cựu SV được khảo sát là cựu SV tốt nghiệp các CTĐT Trường Đại học Hùng Vương từ 2-5 năm.

2.3.1. Ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động

Nghiên cứu đã gửi câu hỏi khảo sát tới 185 nhà sử dụng lao động, trong đó số lượng nhà sử dụng lao động tính theo nhóm ngành tương ứng là: Nhóm ngành Nông - Lâm - Ngư (21); nhóm ngành Công nghệ (17); nhóm ngành Kinh tế (26); nhóm ngành Sư phạm (91); nhóm ngành Ngôn ngữ, du lịch và công tác xã hội (30).

a) Mức độ hài lòng của cơ quan doanh nghiệp đối với chất lượng SV tốt nghiệp Trường Đại học Hùng Vương đã và đang công tác tại cơ quan/doanh nghiệp.

Bảng 2. Kết quả đánh giá của cơ quan, doanh nghiệp về mức độ hài lòng đối với SV tốt nghiệp tại Trường Đại học Hùng Vương

Item	Mức độ đánh giá (tỉ lệ %)					Đánh giá (ĐTB)
	Rất hài lòng	Hài lòng	Khá hài lòng	Không hài lòng	Hoàn toàn không hài lòng	
HL1	32,97	34,05	30,81	2,7	0	Hài lòng (3,99)
HL2	16,76	47,03	21,62	15,14	0	Hài lòng (3,67)
HL3	27,03	47,03	24,86	1,62	0	Hài lòng (4,01)
HL4	32,97	41,08	24,86	1,62	0	Hài lòng (4,07)
HL5	27,03	39,46	31,89	2,16	0	Hài lòng (3,93)

Qua kết quả bảng 2, căn cứ vào ĐTB có thể thấy các doanh nghiệp khi được hỏi đều đánh giá về chất lượng SV tốt nghiệp của Trường Đại học Hùng Vương ở mức độ “hài lòng”. Tuy vậy, trong số những khía cạnh được đánh giá thì với năng lực ngoại ngữ của SV có tỉ lệ không hài lòng là cao nhất (15,14%). Thông tin này có ý nghĩa với Nhà trường trong việc tăng cường đào tạo ngoại ngữ cho SV trong quá trình học. Ngoài ra, SV cũng cần chủ động hơn nữa trong việc trau dồi vốn ngoại ngữ cho bản thân mình.

b) Đánh giá mức độ cần thiết của các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm được tuyên bố trong chuẩn đầu ra của CTĐT.

Bảng 3. Ý kiến đánh giá của nhà sử dụng lao động về mức độ cần thiết của các nhóm chuẩn đầu ra

Nhóm ngành	Ý kiến đánh giá theo ngành	Điểm đánh giá (ĐTB)		
		KT	KN	TN
Nhóm Nông - Lâm - Ngư	Thú y	4,32	4,47	4,41
	Chăn nuôi, thú y	4,30	3,73	4,40
	Khoa học cây trồng	4,48	4,40	4,40
Nhóm Công nghệ	Công nghệ thông tin	4,00	4,50	4,57
	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3,80	4,03	4,53
	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	4,00	4,43	41,3
Nhóm Sư phạm	Giáo dục tiểu học	4,29	4,43	4,10
	Giáo dục mầm non	4,75	4,63	4,86
	Giáo dục thể chất	4,96	4,90	5,00
	Sư phạm Âm nhạc	4,60	3,97	4,61
	Sư phạm Địa lí	4,53	4,73	4,73
	Sư phạm Lịch sử - Giáo dục công dân	4,50	4,50	4,50
	Sư phạm Ngữ văn	4,75	4,70	4,79
	Sư phạm Mĩ thuật	4,33	4,15	4,37
	Sư phạm Sinh học	4,57	4,33	4,43
	Sư phạm Tiếng Anh	4,20	4,20	4,60
	Sư phạm Toán - Tin	4,55	4,57	4,67
	Sư phạm Vật lí	4,55	4,35	4,30
Sư phạm Hóa học	4,70	4,51	4,30	
Nhóm Kinh tế	Kế toán	4,08	4,00	4,33
	Kinh tế	4,17	4,13	4,00
	Quản trị kinh doanh	4,33	4,33	4,30
	Tài chính ngân hàng	4,33	4,07	4,40
Nhóm Ngôn ngữ, Du lịch và công tác xã hội	Ngôn ngữ Anh	3,90	4,13	4,27
	Ngôn ngữ Trung Quốc	4,21	4,19	4,24
	Du lịch	4,11	4,43	4,71
	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	4,08	4,50	4,58
	Công tác xã hội	4,27	4,43	4,27

Bảng 3 cho thấy, các nhà sử dụng lao động đều đồng ý (hoàn toàn đồng ý) với những tuyên bố về chuẩn đầu ra của CTĐT về các nhóm kiến thức, kỹ năng, thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp, trong đó có nhiều các doanh nghiệp có đánh giá cao về nhóm chuẩn đầu ra về kỹ năng cũng như thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp. Điều đó thể hiện những tuyên bố của Nhà trường về những kỹ năng và thái độ mà SV tốt nghiệp cần đạt được đã phản ánh được mong muốn của cơ quan, doanh nghiệp.

c) Những mong muốn mà cơ quan doanh nghiệp muốn SV tốt nghiệp Trường Đại học Hùng Vương phải có được

Những mong muốn của các nhà sử dụng lao động mong muốn đối với SV tốt nghiệp Trường Đại học Hùng Vương tập trung vào những vấn đề chính sau đây: Nắm chắc kiến thức cơ bản, được trang bị những kiến thức cập nhật; Bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn phù hợp với thực tế tại doanh nghiệp, kỹ năng giao tiếp, thích ứng, kỹ năng làm việc nhóm; Rèn luyện tinh thần trách nhiệm, trung thực, cầu tiến, ham học hỏi và tính kỷ luật cao.

2.3.2. Ý kiến phản hồi của cựu sinh viên

Để phục vụ cho công tác rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2022 của Trường Đại học Hùng Vương, chúng tôi đã gửi phiếu khảo sát tới 1.106 cựu SV thuộc các nhóm ngành đào tạo của Trường, bao gồm: Nhóm ngành Nông - Lâm - Ngư (59); nhóm ngành Công nghệ (52); nhóm ngành Kinh tế (155); nhóm ngành Sư phạm (653); nhóm ngành Ngôn ngữ, Du lịch và công tác xã hội (187).

a) Đánh giá mức độ đáp ứng công việc của cựu SV sau khi tốt nghiệp từ 2-3 năm

Bảng 4. Kết quả khảo sát YKPH của cựu SV về mức độ đáp ứng công việc sau 2-3 năm công tác

Item	Mức độ đánh giá (tỉ lệ %)					Đánh giá (ĐTB)
	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý	
DU1	40,05	54,34	1,99	1,18	0	Hoàn toàn đồng ý (4,26)
DU2	36,44	53,53	5,7	1,9	0	Đồng ý (4,17)
DU3	37,52	52,53	4,97	2,08	0	Đồng ý (4,17)
DU4	38,79	50	6,6	1,81	0	Đồng ý (4,17)

Kết quả này cho thấy chương trình đào tạo của Trường Đại học Hùng Vương đã giúp cho SV sau khi ra trường nhanh chóng bắt nhịp được với yêu cầu của công việc (94,39% ý kiến từ đồng ý trở lên). Kiến thức chuyên môn của các SV đáp ứng tốt yêu cầu của công việc (89,97% ý kiến từ đồng ý trở lên). Các SV đánh giá là đã được trang bị tương đối đầy đủ về mặt kiến thức, kỹ năng chung cũng như kỹ năng chuyên môn (với các ý kiến từ đồng ý trở lên, chiếm trên 85%).

Bảng 5. Kết quả khảo sát YKPH của cựu SV về mức độ đáp ứng công việc sau 2-3 năm công tác theo nhóm ngành

Nhóm ngành	Ý kiến đánh giá	Mức độ đánh giá (tính theo %)			
		DU1	DU2	DU3	DU4
Nhóm Nông - Lâm - Ngư	Hoàn toàn đồng ý	35,59	30,51	35,59	39,98
	Đồng ý	59,32	61,02	54,24	44,07
	Phân vân	1,69	1,69	1,69	8,47
	Không đồng ý	0	3,39	5,08	5,08
	Hoàn toàn không đồng ý	0	0	0	0
	Đánh giá (ĐTB)	Hoàn toàn đồng ý (4,2)	Đồng ý (4,08)	Đồng ý (4,1)	Đồng ý (4,07)
Nhóm Công nghệ	Hoàn toàn đồng ý	32,69	21,15	21,15	19,23
	Đồng ý	55,77	57,69	57,69	63,46
	Phân vân	3,85	13,47	11,54	7,69
	Không đồng ý	3,85	5,77	3,85	3,85
	Hoàn toàn không đồng ý	0	0	0	0
	Đánh giá (ĐTB)	Đồng ý (4,06)	Đồng ý (3,88)	Đồng ý (3,79)	Đồng ý (3,81)
Nhóm Sư phạm	Hoàn toàn đồng ý	45,64	43,8	43,8	42,57
	Đồng ý	49,92	49,77	50,23	48,09
	Phân vân	1,68	3,06	1,68	4,59
	Không đồng ý	0,77	1,07	1,53	1,84
	Hoàn toàn không đồng ý	0	0	0	0

	Đánh giá (ĐTB)	Hoàn toàn đồng ý (4,34)	Hoàn toàn đồng ý (4,29)	Hoàn toàn đồng ý (4,28)	Hoàn toàn đồng ý (4,24)
<i>Nhóm Kinh tế</i>	Hoàn toàn đồng ý	37,42	30,32	34,84	35,48
	Đồng ý	56,77	56,77	52,9	52,9
	Phân vân	3,23	10,32	9,03	9,68
	Không đồng ý	1,94	1,29	1,29	1,29
	Hoàn toàn không đồng ý	0	0	0	0
	Đánh giá (ĐTB)	Hoàn toàn đồng ý (4,28)	Đồng ý (4,12)	Đồng ý (4,15)	Hoàn toàn đồng ý (4,21)
<i>Nhóm Ngôn ngữ, Du lịch, Công tác xã hội</i>	Hoàn toàn đồng ý	26,2	21,93	22,99	33,69
	Đồng ý	65,78	60,43	58,29	52,41
	Phân vân	1,6	10,16	12,3	10,16
	Không đồng ý	1,6	3,74	3,21	0,53
	Hoàn toàn không đồng ý	0	0	0	0
	Đánh giá (ĐTB)	Đồng ý (4,02)	Đồng ý (3,89)	Đồng ý (3,84)	Đồng ý (3,81)

Khi so sánh giữa các nhóm ngành đào tạo có thể thấy nhóm ngành Sư phạm được đánh giá cao nhất trong các nhóm ngành với các ý kiến được hỏi, điều này cũng hoàn toàn dễ hiểu vì đây là nhóm ngành được đào tạo có truyền thống lâu đời nhất của Trường Đại học Hùng Vương. Tiếp đến là nhóm ngành Kinh tế với hai yếu tố được đánh giá hoàn toàn đồng ý là DU1 và DU4. Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh là khoa được giao quản lý các ngành này. Mặc dù khoa được thành lập sau nhưng là một trong những khoa có nhiều sáng kiến tiên phong trong toàn trường trong việc tổ chức đào tạo đặc biệt là đào tạo và đánh giá kỹ năng cho SV cũng như công tác kết nối doanh nghiệp.

b) Mong muốn của cựu SV đối với kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp của SV tốt nghiệp (đánh giá về mức độ cần thiết của các chuẩn đầu ra của CTĐT)

Bảng 6. Ý kiến đánh giá của cựu SV về mức độ cần thiết của các nhóm chuẩn đầu ra

Nhóm ngành	Ý kiến đánh giá theo ngành	Điểm đánh giá (ĐTB)		
		KT	KN	TN
<i>Nhóm Nông - Lâm - Ngư</i>	Thú y	4,29	4,18	4,37
	Chăn nuôi, thú y	4,45	3,87	4,39
	Khoa học cây trồng	4,52	4,18	4,63
<i>Nhóm Công nghệ</i>	Công nghệ thông tin	3,98	4,08	4,23
	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	4,21	4,22	4,38
	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3,96	4,28	4,39
<i>Nhóm sư phạm</i>	Giáo dục tiểu học	4,01	4,36	4,40
	Giáo dục mầm non	4,25	4,34	4,34
	Giáo dục thể chất	4,52	4,48	4,56
	Sư phạm Âm nhạc	4,37	4,25	4,44
	Sư phạm Địa lí	4,19	4,31	4,41
	Sư phạm Lịch sử - Giáo dục công dân	4,40	4,32	4,43
	Sư phạm Ngữ văn	4,28	4,30	4,44
	Sư phạm Mỹ thuật	4,25	4,25	4,38
	Sư phạm Sinh học	4,45	4,51	4,68
	Sư phạm Tiếng Anh	4,06	4,27	4,46
	Sư phạm Toán - Tin	4,23	4,33	4,41
	Sư phạm Vật lí	4,23	4,33	4,42
	Sư phạm Hóa học	4,13	4,46	4,66
<i>Nhóm Kinh tế</i>	Kế toán	4,23	4,30	4,36
	Kinh tế	4,05	4,17	4,38
	Quản trị kinh doanh	4,19	4,18	4,27
	Tài chính ngân hàng	4,25	4,21	4,42
	Ngôn ngữ Anh	3,81	4,18	4,43
	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,81	4,16	4,16

<i>Nhóm Ngôn ngữ, Du lịch, công tác xã hội</i>	Du lịch	4,15	4,36	4,49
	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	4,29	4,49	4,58
	Công tác xã hội	4,20	4,36	4,52

Từ kết quả được hỏi về mức độ cần thiết của các nhóm chuẩn đầu ra, có thể thấy 100% các cựu SV đều đồng ý với những chuẩn đầu ra mà các CTĐT tuyên bố.

c) *Những môn học cần được đang trang bị cho SV trong quá trình học tập một ngành cụ thể để SV đạt được mong muốn của quý cơ quan/doanh nghiệp khi được tuyển dụng*

Về các môn học trong CTĐT đều được các cựu SV đánh giá là phù hợp. Các cựu SV tập trung nhiều mong muốn đào tạo thêm cho SV các kĩ năng mềm, kĩ năng giao tiếp, tin học, kĩ năng làm việc nhóm. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với những mong muốn của các cơ quan, doanh nghiệp sử dụng lao động đối với các SV tốt nghiệp.

3. Kết luận

Chúng tôi đã xây dựng được 02 bộ công cụ lấy YKPH dành cho nhà sử dụng lao động và cựu SV, là các bảng hỏi bao gồm các câu hỏi mở sử dụng thang đo Likert 5 mức độ và câu hỏi đóng. Bộ công cụ đảm bảo cấu trúc của bảng hỏi nói chung và nội dung bảng hỏi được xây dựng căn cứ vào cấu trúc của CTĐT tập trung vào chuẩn đầu ra CTĐT, chất lượng đào tạo và mong muốn của nhà sử dụng lao động và cựu SV đối với SV tốt nghiệp Trường Đại học Hùng Vương theo ngành nghề. Bộ công cụ đã giúp thu thập được những thông tin hữu ích, tin cậy cho Nhà trường về chất lượng SV đào tạo, về chuẩn đầu ra CTĐT. Sự hài lòng và đánh giá cao của nhà sử dụng lao động cũng như cựu SV về mức độ đáp ứng công việc cũng như chuẩn đầu ra CTĐT thông qua phân tích kết quả thực nghiệm tiếp tục tạo động lực để Trường Đại học Hùng Vương duy trì những thế mạnh của các CTĐT hiện có, đồng thời tiếp tục phát huy định hướng của đại học ứng dụng. Bên cạnh đó, những mong muốn của các bên liên quan về kiến thức, đặc biệt là kĩ năng đã được Đảng ủy, Ban Giám hiệu ghi nhận và trong năm học 2022-2023 đã đưa CTĐT kĩ năng cho SV là một trong những khâu đào tạo đột phá của Nhà trường. Trong thời gian tới, chúng tôi tiếp tục tiếp thu những ý kiến của các bên liên quan để tiếp tục cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo, nhằm đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu của thị trường lao động.

Lời cảm ơn: Nhóm tác cảm ơn sự tài trợ của Trường Đại học Hùng Vương qua đề tài “Xây dựng bộ công cụ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động của Trường Đại học Hùng Vương”, mã số: 24/2021/HĐKH.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2013). *Thông tư số 38/TT/BGDĐT ngày 29/11/2013 ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp.*
- Bộ GD-ĐT (2016). *Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.*
- Bộ GD-ĐT (2017). *Thông tư số 17/TT/BGDĐT ngày 19/5/2017 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.*
- Đậu Thế Tụng, Nguyễn Thị Bích Hương, Nguyễn Thị Huyền My (2020). Công tác lấy ý kiến phản hồi của người học ở các trường đại học và cao đẳng hiện nay. *Tạp chí Nghiên cứu dân tộc*, 9(4), 47-53.
- Dương Thị Phương Liên (2017). Thực trạng và giải pháp về công tác đánh giá thông qua lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên ở Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn. *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt kì 3 tháng 8, 87-95.
- Trung Nguyên (2008). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. NXB Giao thông vận tải.
- Trường Đại học Hùng Vương (2021). *Quyết định số 501/QĐ-ĐHHV ngày 25/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương về ban hành quy định về lấy ý kiến phản hồi về các hoạt động của Trường Đại học Hùng Vương.*
- Trương Văn Thanh (2015). Ảnh hưởng của ý kiến phản hồi từ người học đến hoạt động giảng dạy của giảng viên. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng*, 2(87), 37-40.